BỘ TƯ PHÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2397 /QĐ-BTP	*Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 09/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phạm vi dữ liệu được công bố

1. Dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật

a) Số, ký hiệu, trích yếu, nội dung văn bản; loại văn bản; cơ quan ban hành; họ và tên người ký ban hành; chức danh người ký ban hành; ngày ban hành;

b) Các văn bản liên quan, bao gồm: văn bản là căn cứ pháp lý để ban hành văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật; văn bản khác có liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm văn bản đính chính văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật; văn bản tạm ngưng hiệu lực; văn bản công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, còn hiệu lực; kết quả hệ thống hóa định kỳ; văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật và văn bản khác theo quy định của pháp luật;

c) Thông tin về hiệu lực của văn bản, bao gồm: ngày có hiệu lực; ngày hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần (*nếu có*); tình trạng hiệu lực; nội dung được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, đính chính, đình chỉ, tạm ngưng hiệu lực (*nếu có*).

2. Dữ liệu về văn bản hợp nhất

a) Số, ký hiệu, trích yếu, nội dung văn bản; cơ quan thực hiện hợp nhất; họ và tên người ký xác thực; chức danh người ký xác thực; ngày ký xác thực;

b) Văn bản được hợp nhất; loại văn bản được sửa đổi, bổ sung.

3. Dữ liệu về văn bản hành chính có liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật

Dữ liệu về văn bản hành chính có liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật được đăng tải, biên tập, cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, bao gồm:

a) Số, ký hiệu, trích yếu, nội dung văn bản; loại văn bản; cơ quan ban hành; họ và tên người ký ban hành; chức danh người ký ban hành; ngày ban hành;

b) Ngày có hiệu lực (*nếu có*); ngày hết hiệu lực (*nếu có*);

c) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; văn bản đính chính, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản hành chính (*nếu có*).

Điều 2. Mục tiêu, yêu cầu và các trường thông tin được chia sẻ

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

- Hình thành không gian dữ liệu pháp lý thống nhất: Tích hợp dữ liệu pháp luật vào hệ sinh thái dữ liệu quốc gia, kết nối thông suốt giữa các cơ quan nhà nước.

- Phục vụ quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu: Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách và kiểm soát thủ tục hành chính của Chính phủ.

- Thúc đẩy chuyển đổi số và LegalTech: Tạo nền tảng để ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số trong công tác xây dựng, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, phát triển dịch vụ pháp lý số tại Việt Nam.

b) Mục tiêu cụ thể

- Cung cấp thông tin kịp thời: Đảm bảo hệ thống văn bản pháp luật luôn được cập nhật nhanh chóng và chính xác từ trung ương đến địa phương.

- Hỗ trợ tra cứu thuận tiện: Giúp người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức dễ dàng tiếp cận, khai thác nguồn thông tin pháp lý chính thống.

- Nâng cao nhận thức và tuân thủ pháp luật: Góp phần minh bạch hóa hệ thống pháp luật, thúc đẩy việc sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật trong toàn xã hội.

2. Yêu cầu

a) Tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin, các quy định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến dữ liệu, bí mật đời tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Tuân thủ các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về trao đổi dữ liệu và các nguyên tắc, quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

c) Phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (*phiên bản 1.0*), Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung kiến trúc số Bộ Tư pháp phiên bản 4.0.

3. Ban hành kèm theo Quyết định này các tài liệu hướng dẫn khai thác, sử dụng và kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, gồm:

a) Tài liệu kết nối, khai thác, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (*NDXP*).

b) Tài liệu hướng dẫn kết nối, khai thác, sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật dành cho người dân, tổ chức.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Công an (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng tải);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (để p/h);
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, thành phố (để p/h);
- Lưu: VT, Cục CNTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Tịnh